



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
CỤC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

# HỖ TRỢ DNNVV theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT



**Ms. Nguyễn Tùng Anh**, Phó Trưởng phòng  
*Phòng Triển khai các hoạt động hỗ trợ DNNVV,  
Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư*  
Tel: 090.222.36.70 hoặc 098 180 34 92. Số cố định: 080.44292  
Email: [nguyentunganh@mpi.gov.vn](mailto:nguyentunganh@mpi.gov.vn) , [tunganh.mpi@gmail.com](mailto:tunganh.mpi@gmail.com)



# KHUNG PHÁP LÝ

## LUẬT HỖ TRỢ DNNVV 2017

	Những quy định chung
	(Đ.8) Hỗ trợ TIẾP CẬN TÍN DỤNG (Đ.9) Hỗ trợ BẢO LÃNH TÍN DỤNG (Đ.10) Hỗ trợ THUẾ, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN (Đ.11) Hỗ trợ MẶT BẰNG sản xuất
C2 M1	(Đ.12) Hỗ trợ <b>CÔNG NGHỆ</b> , Cơ sở kỹ thuật, Cơ sở ươm tạo, Khu làm việc chung (Đ.13) Hỗ trợ mở rộng THỊ TRƯỜNG (Đ.14) Hỗ trợ thông tin, <b>TƯ VẤN</b> , Pháp lý (Đ.15) Hỗ trợ PT>NNL ( <b>ĐÀO TẠO</b> )
	(Đ.16) Hỗ trợ chuyển đổi từ hộ KD (Đ.17) Hỗ trợ <b>DNNVV KNST</b>
C2 M2	(Đ.18) Đầu tư cho DNNVV KNST (Đ.19) Hỗ trợ tham gia <b>CỤM LKN, CHUỖI GT</b> (Đ.20) QUỸ PHÁT TRIỂN DNNVV
C3	Trách nhiệm hoạt động hỗ trợ DNNVV
C4	Điều khoản thi hành

## NGHỊ ĐỊNH 80/2021/NĐ-CP

C1	Quy định chung (Đ.1, 2, 3, 4)
C2	Tiêu chí xác định DNNVV (Đ.5, 6, 7, 8, 9, 10) (Đ.11) Hỗ trợ <b>CÔNG NGHỆ (Chuyển Đổi Số)</b> (Đ.12) Hỗ trợ <b>THÔNG TIN</b>
C3	(Đ.13) Hỗ trợ <b>TƯ VẤN</b> (Đ.14) Hỗ trợ <b>ĐÀO TẠO</b> (Đ.15-19) <b>CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH</b> (Đ.20.21.22) Hỗ trợ <b>DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO</b>
C4	(Đ.23.24.25) Hỗ trợ <b>DNNVV tham gia CỤM, CHUỖI</b> (Đ.26.27) Hỗ trợ <b>CẤP BÙ LÃI SUẤT</b>
C5	Tổ chức thực hiện

## THÔNG TƯ 06/2022/TT-BKHĐT

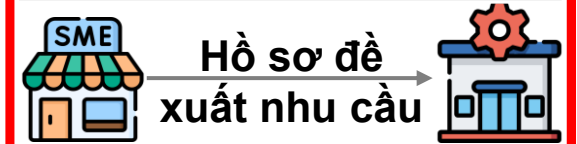
C1	Quy định chung (Đ.1, 2, 3, 4, 5, 6) (Đ.7) Hỗ trợ công nghệ (CĐS) (Đ.8) Tư vấn viên (Đ.9) <u>Mạng lưới TVV</u> (Đ.10) Hỗ trợ tư vấn (Đ.11) Hỗ trợ PT>NNL (Đào tạo) (Đ.12) Đào tạo trực tiếp KS, QT
C2	(Đ.13) Đào tạo trực tuyến E-learning; Zoom, MS Teams... (Đ.14) Lựa chọn DNNVV KNST (Đ.15) Hỗ trợ DNNVV KNST (Đ.16) Chọn DNNVV trong Cụm (Đ.17) Chọn DNNVV tham gia Chuỗi (Đ.18) Hỗ trợ DNNVV Cụm, Chuỗi
C3	(Đ.19) Lập, tổng hợp, giao KH; đánh giá, báo cáo hỗ trợ DNNVV (Đ.20, 21) Hiệu lực, điều khoản chuyển tiếp, tổ chức thực hiện

## THÔNG TƯ BỘ TÀI CHÍNH

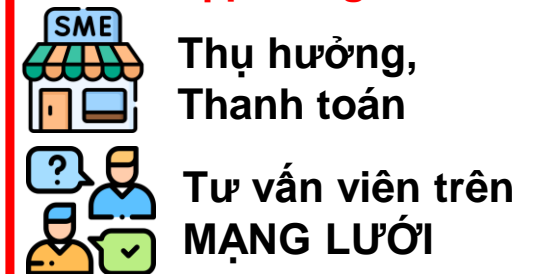
- Nội dung hỗ trợ → tính theo thông tư nào, mức tiền tối đa là bao nhiêu?
- Các xác định phần NSNN hỗ trợ?
- Quy trình lập, duyệt, cấp kinh phí



## QUY TRÌNH HỖ TRỢ



**Hợp đồng 2 bên,  
Hợp đồng 3 bên:**



## MỨC HỖ TRỢ

- MIỄN PHÍ 100%**
- HỖ TRỢ: 50%-70%: 200 triệu**

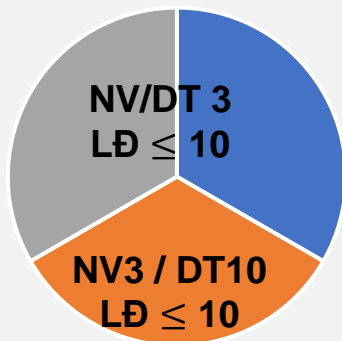


# Phần 1: Quy định chung

# Cách xác định DNNVV (NĐ 80)

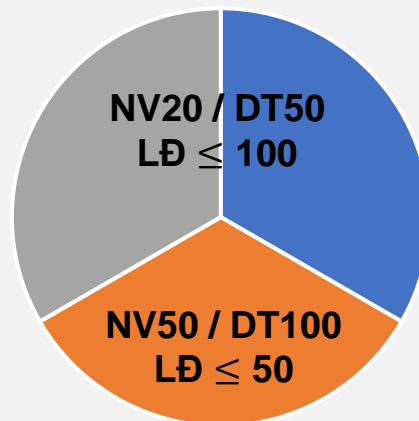
Điều 5: Tiêu chí xác định DNNVV = Doanh thu (tỷ VND) + Lao động **hoặc** Nguồn vốn (tỷ VND) + Lao động

**Siêu nhỏ**

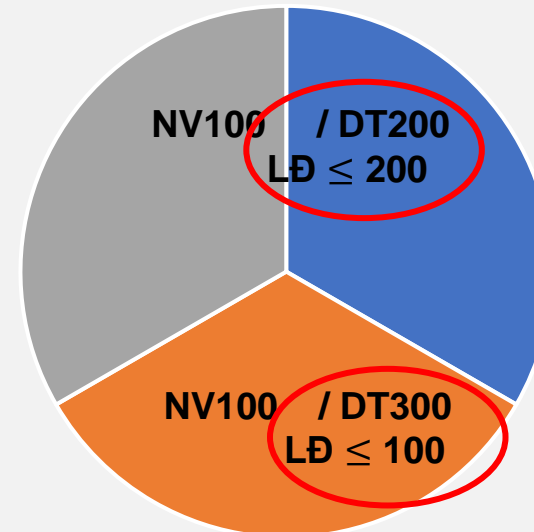


- Nông nghiệp
- Công nghiệp & XD
- Kinh doanh & dịch vụ

**Nhỏ**



**Vừa**



Điều 6: Xác định lĩnh vực hoạt động của DNNVV theo ngành nghề KD chính

Điều 7: Xác định số lao động sử dụng có tham gia BHXH:

Điều 8: Xác định Tổng nguồn vốn tại BCTC ngày 31/12 năm trước/cuối quý trước

Điều 9: Xác định Tổng doanh thu: tại BCTC năm trước. Chưa có Doanh thu thì căn cứ Tổng nguồn vốn.

Điều 10: Xác định, kê khai DNNVV: 1) DNNVV kê khai thông tin theo Phụ lục 1 của NĐ 80, nộp cho CQTC HTDNNVV và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đó.



A hand in a blue sleeve is holding a blue folder. In the background, a row of similar blue folders is mounted on a light blue wall. The scene is brightly lit, creating a clean and professional atmosphere.

## Phần 2: DNNVV được hỗ trợ

The background is a city skyline at night, with several tall buildings. Overlaid on the image are several glowing blue icons: a Wi-Fi symbol in the top left, a globe in the top center, a smartphone in the middle, a dollar sign in the top right, and a cloud with an upward arrow in the middle right. Vertical dotted lines connect these icons to a network of glowing blue lines and nodes at the bottom of the image.

# HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

(Đ11-NĐ80)



<b>NĐ 80</b>		<b>Điều 11. Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa</b>
C1	Đ1-4	<b>1) Tư vấn giải pháp Chuyển đổi số:</b> NSNN 50% - DN nhỏ <b>50 tr/HĐ/năm</b> ; - DN vừa <b>100 tr/HĐ/năm</b> ;
C2	Đ5-10	
	<b>Đ11</b>	
C3	Đ12	<b>2) Mua, thuê giải pháp Chuyển đổi số:</b> NSNN 50%; - DN siêu nhỏ <b>20 tr/HĐ/năm</b> ; - DN nhỏ <b>50 tr/năm</b> ; - DN vừa <b>100 tr/năm</b> ;
	Đ13	
	Đ14	
	M1	<b>3) Tư vấn Sở hữu trí tuệ:</b> NSNN 50%; <b>100 tr/HĐ/năm</b>
C4	Đ20-22	
	Đ23-25	<b>4) Tư vấn Chuyển giao công nghệ:</b> NSNN 50%; <b>100 tr/HĐ/năm</b>
	M4	
C5	Đ28-31	

<b>TT 06</b>		<b>Điều 7. Hỗ trợ công nghệ</b>	
C1	Đ1-6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung, định mức hỗ trợ Đ.11 NĐ 80;</li> <li>- Quy trình hỗ trợ Đ.4, 5 Thông tư 06</li> </ul>	
	<b>Đ7</b>		
	Đ8		
	Đ9		
	Đ10		
C2	Đ11		<b>1) Mua hoặc thuê giải pháp Chuyển đổi số</b> đã được công bố trên: Cổng thông tin <a href="http://digital.business.gov.vn">http://digital.business.gov.vn</a> hoặc trang của Bộ TTTT hoặc tại trang của các bên cung cấp
	Đ12		
	Đ13		
	Đ14		<b>2) DNNVV đánh giá mức độ sẵn sàng</b> <b>Chuyển đổi số</b> tại: <a href="http://digital.business.gov.vn">http://digital.business.gov.vn</a> hoặc tại <a href="https://dbi.gov.vn">https://dbi.gov.vn</a> ; hoặc dùng bộ công cụ của các bên cung cấp
	Đ15		
	Đ16		
	Đ17		
	Đ18		
C3	Đ19		
	Đ20-21		


A photograph of two men in business suits sitting at a table in an office. The man on the right is wearing glasses and smiling while looking at the man on the left. They are both looking at a document on the table. The background shows office chairs and a window with blinds.

**HỖ TRỢ**

**TƯ VẤN**

**(Đ13-NĐ80)**



<b>NĐ 80</b>	<b>Điều 13. Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa</b>			
C1 Đ1-4	<b>1) MẠNG LƯỚI TVV:</b>			
C2 Đ5-10	<b>a) Gồm cá nhân, tổ chức</b> , đáp ứng tiêu chí của Bộ			
Đ11	<b>b) Hồ sơ đăng ký mạng lưới TVV:</b> Đơn, SYLL và Hồ sơ năng lực; văn bằng, QĐ thành lập... có chứng thực.			
Đ12	<b>c) TVV nộp hồ sơ</b> trực tiếp/trực tuyến tới Bộ. Được công nhận sau 10 ngày			
C3 <b>Đ13</b>	<b>d) TVV đăng ký vào CSDL TVV</b> tại <a href="https://business.gov.vn/tu-van-vien">https://business.gov.vn/tu-van-vien</a>			
Đ14				
M1	<b>2) HỖ TRỢ TƯ VẤN:</b> về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ...			
Đ20-22	<b>Quy mô</b>	<b>Hỗ trợ NSNN</b>	<b>DNNVV thường</b>	<b>DN nữ nhiều nữ, DN xã hội</b> 
C4 Đ23-25	<b>a) Siêu nhỏ</b>	100%	50tr/năm	<b>70tr/năm</b>
M4	<b>b) Nhỏ</b>	50%	100tr/năm	<b>150tr/năm</b>
C5 Đ28-31	<b>c) Vừa</b>	30%	150tr/năm	<b>200tr/năm</b>

<b>TT 06</b>	<b>Điều 8: Tư vấn viên</b>	
C1 Đ1-6	<b>1) TVV gồm:</b>	
Đ7	<b>a) Cá nhân TV:</b> là công dân VN ( <b>không là Cán bộ, công chức</b> ); là người nước ngoài	
<b>Đ8</b>	<b>b) Tổ chức TV:</b> thành lập theo pháp luật <u>VN</u> , có chức năng Tư vấn.	
<b>Đ9</b>	Mẫu hồ sơ tại PL2 Thông tư 06	
<b>Đ10</b>	<b>Điều 9: Mạng lưới tư vấn viên</b>	
Đ11	<b>1) Hình thành Mạng lưới TVV:</b>	
Đ12	a) Bộ -> QĐ lĩnh vực + tiêu chí (mẫu PL.2)	
C2 Đ13	b) Giao đơn vị: công nhận; đưa TVV ra khỏi mạng lưới và công khai trên	
Đ14	<a href="https://business.gov.vn">https://business.gov.vn</a> và trang của đơn vị;	
Đ15	<b>300k/tư vấn</b>	
Đ16	<b>2) Quản lý, vận hành Mạng lưới:</b>	
Đ17	a) Mua, xây phần cứng, mềm...;	
Đ18	b) Hội nghị hội thảo → mạng lưới	
Đ19	<b>3) Đơn vị công nhận đào tạo TVV:</b> NSNN 100%. 20 TVV/lớp.	
C3 Đ20-21	Lớp ngắn hạn 3-5 ngày; Dài hạn 6-60 ngày.	
	<b>Điều 10: Hỗ trợ TV</b>	



**15 lĩnh vực tư vấn:**

An toàn TP, Rượu, Thuốc lá, Khí,  
Chuỗi phân phối, Khuyến công,  
XK, CN, Phòng vệ TM, Cụm CN...

**6 lĩnh vực tư vấn:**

Khởi nghiệp, QTDN, Đấu thầu,  
Đầu tư, Chuyển đổi số, tiếp cận tài  
chính

**4 lĩnh vực tư vấn:**

Công nghệ, TV toàn diện,  
KNST, Cụm chuỗi

**Trách nhiệm của Bộ, ngành:**

1. Ban hành QĐ lĩnh vực, tiêu chí (PL 2 Thông tư 06)
2. Công nhận; Đưa ra khỏi ML TVV; **300k/TVV**
3. Đăng QĐ, Danh sách TVV trên trang của Bộ và hướng dẫn TVV cập nhật thông tin → <http://business.gov.vn>

**Trách nhiệm UB, Sở, Hiệp hội, CQTC:**

1. Hướng dẫn hồ sơ TVV tham gia ML
2. Hướng dẫn DNNVV sử dụng TV
3. Thực hiện hỗ trợ, thanh toán NSNN hỗ trợ các hợp đồng TV

**Quyền lợi của TVV**

1. Được đào tạo miễn phí
2. Ưu tiên tham gia các CT của NN
3. Có tên trên Cổng của các Bộ
4. Thêm nhiều hợp đồng



# Tiêu chí công nhận TVV của một số ngành



BỘ CÔNG THƯƠNG  
CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
CỤC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP



CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



	15 Lĩnh vực - ngành CT QĐ 842/QĐ-BCT, ngày 16 /3/2020	6 lĩnh vực – ngành KHĐT QĐ 632/QĐ-BKHĐT, ngày 17/5/2021	4 lĩnh vực – ngành NN QĐ 58/QĐ-BNN-QLDN, ngày 10/2/2022
<b>CÁ NHÂN</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Công dân VN/ nước ngoài</li> <li><u>Bằng ĐH</u> + 03 năm/ CC hành nghề/ 05 năm KN sản xuất chế tạo.</li> <li><u>01 năm kinh nghiệm</u> quản lý DN/TC, dự án hỗ trợ DN</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Công dân VN/ nước ngoài đủ ĐKLD</li> <li><u>Bằng ĐH</u> /CC đào tạo/hành nghề</li> <li><u>01 năm KN</u> là GD DN 10 lđ/ CBQL/ CB tại tổ chức, dự án HTDNNVV/ CB TV DN</li> <li>Đã/ đang <u>01 Hợp đồng</u> TV trong 36 tháng</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Công dân VN/ nước ngoài đủ ĐKLD</li> <li><u>Bằng ĐH</u> /CC đào tạo/hành nghề</li> <li><u>01 năm KN</u> là GD DN 10 lđ/ CBQL/ CB tại tổ chức, dự án HTDNNVV/ CB TV DN</li> <li>Đã/ đang <u>02 Hợp đồng</u> TV trong 36 tháng</li> </ol>
	<p><b>Lao động nước ngoài</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đáp ứng điều kiện của cá nhân trong nước</li> <li>Có giấy phép lao động hợp pháp</li> </ol>	<p><b>Lao động nước ngoài</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đáp ứng điều kiện của cá nhân trong nước</li> <li>Có giấy phép lao động hợp pháp</li> </ol>	<p><b>Lao động nước ngoài</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đáp ứng điều kiện của cá nhân trong nước</li> <li>Có giấy phép lao động hợp pháp</li> </ol>
<b>TỔ CHỨC</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>TL, HĐ CN tư vấn; GP KĐĐK</li> <li>Có trụ sở, phương tiện làm việc</li> <li><u>02 cá nhân TV</u>, ký HĐ dài hạn</li> <li>Đã / đang thực hiện <u>10 Hợp đồng</u>TV</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>TL, HĐ CN tư vấn; GP KĐĐK</li> <li><u>02 cá nhân TV</u>, làm việc 12 tháng</li> <li>Đã/ đang TH <u>02 Hợp đồng</u>TV trong 36 tháng</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>TL, HĐ CN tư vấn; GP KĐĐK</li> <li>Có trụ sở, phương tiện làm việc</li> <li><u>15 cá nhân TV</u>, ký HĐ 12 tháng trở lên</li> <li>Đã/ đang thực hiện <u>05 Hợp đồng</u> TV trong 36 tháng</li> </ol>
<b>RIÊNG</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đối với cá nhân</li> <li>Đối với tổ chức</li> </ol>	Không có	Không có

## Mẫu hồ sơ đăng ký Tư vấn viên– Phụ lục 2 Thông tư 06



# HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC (Đ14-NĐ80)



<b>NĐ 80</b>		<b>Điều 14. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV</b>
C1	Đ1-4	<b>1) Đào tạo TRỰC TIẾP:</b> (a) Khởi sự <b>100%</b> ; QTDN <b>70%</b> ; <b>(b) Miễn học phí</b> → học viên của <b>DNNVV nữ, nhiều LĐ nữ, DNXH</b> 
C2	Đ5-10	
	Đ11	
	Đ12	
C3	Đ13	<b>2) Đào tạo TRỰC TUYẾN:</b> (a) E-learning (chỉ áp dụng MPI, UBND) <b>100%</b> (b) Zoom, MS Teams... <b>100%</b>
	<b>Đ14</b>	
	M1	<b>3) Trực tiếp TẠI DN sản xuất, chế biến:</b> Mỗi DN được 1 khóa/năm. a) đào tạo cho DNNVV: <b>70%</b> ; <b>b) DNNVV nữ, nhiều LĐ nữ, DNXH: 100%</b> 
C4	Đ20-22	
	Đ23-25	
	M4	<b>4) Đào tạo nghề:</b> trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo từ 3 tháng trở xuống cho người LĐ của DNNVV. Thông tư Bộ Lao động hướng dẫn
C5	Đ28-31	

<b>TT 06</b>		<b>Điều 11 Hỗ trợ PT NNL (Đào tạo)</b>										
C1	Đ1-6	<b>1) Đơn vị đào tạo:</b> CQ HT/ Bên CC <b>3) Khóa Trực tuyến Zoom:</b> mua Tài khoản + thuê thiết bị; theo khóa/phân bổ <b>4) Hình thức đào tạo kết hợp:</b> tỷ lệ NSNN ko đổi; ít nhất 30% HV học trực tiếp; giảng viên dạy trực tiếp /trực tuyến. <b>5) Chi phí quản lý trực tiếp 1 khóa</b>										
	Đ7											
	Đ8											
	Đ9											
	Đ10	<b>Điều 12 Đào tạo TRỰC TIẾP KS, QT</b>										
	<b>Đ11</b>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Khoá</th> <th>Thời gian</th> <th>Đối tượng</th> <th>Người</th> <th>Xem</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khởi sự</td> <td>1-2 ngày</td> <td>Tất cả CB DN mới thành lập 5 năm</td> <td>30</td> <td>Mục 3. PL 3.2</td> </tr> </tbody> </table>	Khoá	Thời gian	Đối tượng	Người	Xem	Khởi sự	1-2 ngày	Tất cả CB DN mới thành lập 5 năm	30	Mục 3. PL 3.2
Khoá	Thời gian	Đối tượng	Người	Xem								
Khởi sự	1-2 ngày	Tất cả CB DN mới thành lập 5 năm	30	Mục 3. PL 3.2								
	<b>Đ12</b>											
C2	<b>Đ13</b>	<table border="1"> <tbody> <tr> <td>QTCB</td> <td>2-5 ngày &gt;3 ngày (40% thực hành)</td> <td>Tất cả CB</td> <td>30</td> <td>Mục 2. PL 3.2</td> </tr> </tbody> </table>	QTCB	2-5 ngày >3 ngày (40% thực hành)	Tất cả CB	30	Mục 2. PL 3.2					
QTCB	2-5 ngày >3 ngày (40% thực hành)	Tất cả CB	30	Mục 2. PL 3.2								
	Đ14	<table border="1"> <tbody> <tr> <td>QTCS</td> <td>5-28 ngày (40% thực hành)</td> <td>QL bộ phận + QL DN.</td> <td>20</td> <td>Mục 1. PL 3.2</td> </tr> </tbody> </table>	QTCS	5-28 ngày (40% thực hành)	QL bộ phận + QL DN.	20	Mục 1. PL 3.2					
QTCS	5-28 ngày (40% thực hành)	QL bộ phận + QL DN.	20	Mục 1. PL 3.2								
	Đ15	<table border="1"> <tbody> <tr> <td>Tại DN</td> <td>hành)</td> <td>Tất cả CB</td> <td>10</td> <td>Mục 4. PL 3.2</td> </tr> </tbody> </table>	Tại DN	hành)	Tất cả CB	10	Mục 4. PL 3.2					
Tại DN	hành)	Tất cả CB	10	Mục 4. PL 3.2								
	Đ16											
	Đ17	<b>Điều 13 Đào tạo TRỰC TUYẾN E-learning, Zoom, MS Team...</b>										
	Đ18	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Khoá</th> <th>Thời gian</th> <th>Đối tượng</th> <th>Người</th> <th>Xem</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>E-learning</td> <td>1 clip 20'. Nhiều clip</td> <td>Tất cả CB của DN</td> <td>Không hạn chế</td> <td>Mục 6 PL 3.2</td> </tr> </tbody> </table>	Khoá	Thời gian	Đối tượng	Người	Xem	E-learning	1 clip 20'. Nhiều clip	Tất cả CB của DN	Không hạn chế	Mục 6 PL 3.2
Khoá	Thời gian	Đối tượng	Người	Xem								
E-learning	1 clip 20'. Nhiều clip	Tất cả CB của DN	Không hạn chế	Mục 6 PL 3.2								
C3	Đ19											
	Đ20-21	<table border="1"> <tbody> <tr> <td>Zoom, Team</td> <td>Như khóa KS, QT CB, QTCS</td> <td></td> <td>10</td> <td>Mục 5 PL 3.2</td> </tr> </tbody> </table>	Zoom, Team	Như khóa KS, QT CB, QTCS		10	Mục 5 PL 3.2					
Zoom, Team	Như khóa KS, QT CB, QTCS		10	Mục 5 PL 3.2								



**HỖ TRỢ**

**DNNVV**

**KNST**


**(Đ22-NĐ80)**

**Start Up**



<b>NĐ 80</b>		<b>Điều 22: Hỗ trợ DNNVV KNST</b>
C1	Đ1-4	<b>1) Hỗ trợ SỬ DỤNG CSKT, CSUT, KLVC:</b> a) 100%, <b>20tr/năm/DN</b> SD thiết bị tại CSKT... b) 50%, <b>5tr/tháng/DN</b> kéo dài trong 3 năm <b>2) Tư vấn SỞ HỮU TRÍ TUỆ:</b> 4 loại tư vấn: NSNN 50%→100%; từ <b>30-50tr/HĐ</b> <b>3) TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG:</b> a) Tiêu chuẩn cơ sở, ISO:100%, <b>10-50tr/HĐ</b> b) Chi phí phương tiện đo: 50%, <b>10tr/năm</b> c) Chi phí thử nghiệm SP: 50%, 30tr/năm d) TV hoàn thiện SP: 50%, <b>50tr/HĐ</b> . <b>4) Tư vấn CÔNG NGHỆ:</b> 50%, <b>100tr/HĐ</b> . <b>5) ĐÀO TẠO:</b> NSNN 50%, trong đó a) <b>5tr/HV*3HV/DN</b> học tại VN b) <b>50tr/HV*2HV/DN</b> học tại nước ngoài <b>6) XTTM, KẾT NỐI mạng lưới KNST:</b> b) Tư vấn → sàn quốc tế...: 50%; <b>100tr/HĐ/DN</b> . c) Phí tài khoản 2 năm tại sàn TMĐT trong VN, quốc tế: 50%, <b>50tr/năm/DN</b> d) Hội chợ VN, quốc tế: <b>30-50tr/năm/DN</b> đ) Thi KNST quốc tế <b>30tr/cuộc thi/DN</b>
C2	Đ5-10	
	Đ11	
	Đ12	
C3	Đ13	
	Đ14	
	M1	
	<b>Đ22</b>	
C4	Đ23-25	
	M4	
C5	Đ28-31	

<b>TT 06</b>		<b>Điều 15: Hỗ trợ DNNVV KNST</b>
		Nội dung, định mức hỗ trợ tại Đ22 NĐ 80; Thực hiện theo Đ4,5 Thông tư
C1	Đ1-6	<b>1) Chi phí hỗ trợ học viên</b> tham gia khóa đào tạo tại VN, nước ngoài gồm: học phí, tài liệu, ăn, ở, đi lại (vé MB); Nội dung đào tạo xem tại Thông tư  <b>2) Phí tài khoản:</b> a) <u>Sàn trong nước</u> : phí thanh toán, phí cố định và phí dịch vụ người bán phải trả cho sàn b) <u>Sàn quốc tế</u> : phí tài khoản người bán, phí giới thiệu, phí hoàn thiện đơn hàng, phí lưu kho, chi phí đăng ký mã vạch sản phẩm, chi phí thiết kế và chụp ảnh sản phẩm, chi phí quảng cáo trên sàn.  <b>3) Hỗ trợ tham gia thi KNST quốc tế:</b> phí, lệ phí tham gia thi; ăn, ở, đi lại (vé MB); vận chuyển tài liệu, sản phẩm, thiết bị -> thi.
	Đ7	
	Đ8	
	Đ9	
	Đ10	
	Đ11	
	Đ12	
C2	Đ13	
	Đ14	
	<b>Đ15</b>	
	Đ16	
	Đ17	
	Đ18	
	Đ19	
C3	Đ20-21	



**HỖ TRỢ  
DNNVV  
tham gia  
Cụm, Chuỗi  
(Đ25-NĐ80)**



<b>NĐ 80</b>		<b>Điều 25: Hỗ trợ DNNVV tham gia Cụm, Chuỗi</b>
C1	Đ1-4	<b>1) ĐÀO TẠO:</b> NSNN hỗ trợ 50%, trong đó a) Tổ chức ĐT tại DN: 50%, 50tr/khóa/DN b) Chi phí hỗ trợ học viên 10tr/HV*3HV/DN/năm
C2	Đ5-10	<b>2) TƯ VẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC SXKD:</b> NSNN hỗ trợ 50%, trong đó
	Đ11	a) Đánh giá toàn diện DN: 30tr/HĐ/DN b) Cải tiến DN: 100tr/HĐ/DN
C3	Đ12	<b>3) PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU, THỊ TRƯỜNG:</b> c) Tư vấn → sàn quốc tế: 50%; 100tr/HĐ/DN.
	Đ13	d) Phí tài khoản 2 năm Shopee, Amazon...: 50%, 50tr/năm/DN
	Đ14	đ) Hội chợ VN, quốc tế: 50-70tr/năm/DN
	M1	e) TV Sở hữu trí tuệ trong nước: 100%, 50tr/HĐ/DN. g) TV quảng bá SP: 100%, 20tr/HĐ/DN.
C4	Đ20-22	<b>4) Thực hiện thủ tục TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG:</b> a) Tiêu chuẩn cơ sở, ISO: 100%, 10-50tr/HĐ b) Chi phí phương tiện đo: 50%, 10tr/năm c) Cấp chứng nhận SP phù hợp: 100%, 20tr/SP
	<b>Đ23-25</b>	<b>5) Thực hiện THỦ TỤC SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG:</b>
	M4	a) Phí kiểm định...: 100%, 30tr/năm/DN b) Đặt hàng viện/trường phát triển SP: 50%, 30tr/năm/DN
C5	Đ28-31	c) Sử dụng thiết bị tại CSKT: 50%, 50tr/năm/DN

<b>TT 06</b>		<b>Điều 18: Hỗ trợ DNNVV tham gia Cụm, Chuỗi</b> (nội dung, định mức hỗ trợ tại Đ.25 NĐ 80; Thực hiện theo Đ.4,5 Thông tư)
C1	Đ1-6	
	Đ7	<b>1) Tổ chức đào tạo tại DN:</b> cách tổ chức như tổ chức khóa đào tạo tại DN sản xuất, chế biến (xem khoản 4 Điều 12 Thông tư này)
	Đ8	
	Đ9	
	Đ10	<b>2) Chi phí hỗ trợ học viên tham gia khóa đào tạo tại VN, nước ngoài</b> gồm: học phí, tài liệu, ăn, ở, đi lại (vé MB);
	Đ11	Nội dung đào tạo theo các chuyên đề đào tạo về QTDN chuyên sâu tại Mục 3 PL 3.1 Thông tư 06.
	Đ12	
C2	Đ13	<b>3) Hỗ trợ phí duy trì tài khoản</b> trên sàn TMĐT: <b>a) Sàn trong nước:</b> phí thanh toán, phí cố định và phí dịch vụ người bán phải trả cho sàn, <b>b) Sàn quốc tế:</b> phí tài khoản người bán, phí giới thiệu, phí hoàn thiện đơn hàng, phí lưu kho, chi phí đăng ký mã vạch sản phẩm, chi phí thiết kế và chụp ảnh sản phẩm, chi phí quảng cáo trên sàn.
	Đ14	
	Đ15	
	Đ16	
	Đ17	
	<b>Đ18</b>	
	Đ19	
C3	Đ20-21	



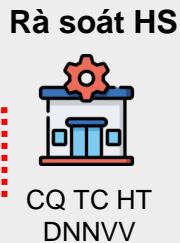


# Phần 3: Quy trình hỗ trợ

# Quy trình hỗ trợ DNNVV (Đ32 NĐ80, Đ5 TT06)

## Quy trình hỗ trợ DNNVV (Đ32 NĐ 80, Đ5 TT 06)

- Tổng hợp nhu cầu
- Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ theo năm hoặc quý
- **ĐẦU THẦU THEO NĂM hoặc QUÝ**



### 1. Nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ, gồm:

- a) Tờ khai theo PL1 của NĐ 80 (ghi rõ nội dung và mức NSNN đề nghị hỗ trợ).
- b) Tài liệu chứng minh là DN KNST, DN tham gia cụm chuỗi; các tài liệu liên quan khác.



### 2. Đối với hồ trợ về Đào tạo

Tự thực hiện/đấu thầu chọn Bên cung cấp.  
Xem mục 2 Chương II Thông tư 06

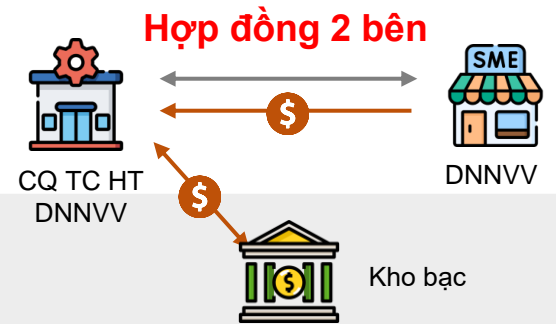
### 3. Đối với hồ trợ về Tư vấn; Công nghệ; KNST; Cụm, Chuỗi

Sau 14 ngày

Thông báo Không đồng ý hỗ trợ, nêu rõ lý do

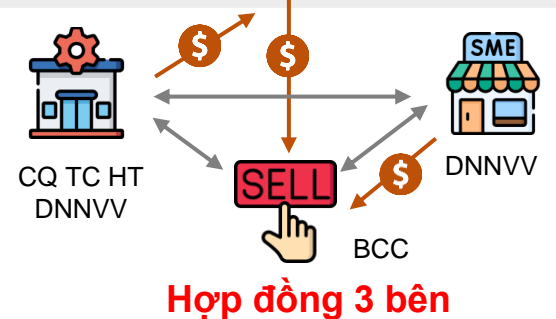
Sau 14 ngày

### 3b. Tự thực hiện.



### 3a. Thông báo Đồng ý hỗ trợ

### 3c. Đấu thầu->BCC



### 5. Hồ sơ thanh toán NSNN:

- a) Thông báo hỗ trợ
- b) Hợp đồng, thanh lý, nghiệm thu
- c) Hoá đơn, chứng từ

Xem thêm → Thông tư Bộ Tài chính

**HĐ 2 bên, 3 bên:** nêu rõ nội dung hỗ trợ, phần NS hỗ trợ. Mẫu PL1 TT06)

# Xin cảm ơn!!!



**Ms. Nguyễn Tùng Anh**, Phó Trưởng phòng  
*Phòng Triển khai các hoạt động hỗ trợ DNNVV,  
Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư*  
Tel: 090.222.36.70 hoặc 098 180 34 92. Số cố định: 080.44292  
Email: [nguyentunganh@mpi.gov.vn](mailto:nguyentunganh@mpi.gov.vn) , [tunganh.mpi@gmail.com](mailto:tunganh.mpi@gmail.com)